

BỘ Y TẾ  
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC  
**ĐÃ PHÊ DUYỆT**  
Lần đầu: *1/1/2015*

Hộp 1 chai 60ml  
QC:4.2 X 4.2 X 9.9 CM



PM Code

dx HD Exp  
NSX Mfg  
SX Lot 01 01 01 01 01 01

Sin Sinh Dược Cổ Phương  
VIỆT NAM PHARMACEUTICAL (SIEN SIN) PHU THUAN, VIET NAM  
Phung Hoa Phu, Thuan Phu Tho, Dak Lak, Tinh Binh Duong, Viet Nam  
ĐT: 028-55621000  
Phung My Vinh Hvc, Westward Pharmaceuticals, Inc.

60 ml

**ATUSSIN®**  
**COUGH SYRUP**



**COUGH FORMULA**

**ATUSSIN - SIRÒ**  
Hộp và nhãn chai 60 ml

QC: 7.3 X 4.5 CM

**ATUSSIN®**  
**COUGH SYRUP - 60 ml**



**COUGH FORMULA**

**COMPOSITION**  
Each 5 mL (1 teaspoonful) contains:  
Dextromethorphen HBr ..... 5 mg  
Chlorpheniramine Maleate ..... 1.33 mg  
Sodium Citrate Dihydrate ..... 133 mg  
Aminomium Chloride ..... 50 mg  
Glycerol Guaiacolate ..... 50 mg  
Excipients..... q.s. to 5 mL

**INDICATIONS**  
For relieving cough symptoms due to the common cold, flu, laryngitis, bronchitis, pertussis, measles, pneumonia, bronchopneumonia, pharyngitis, laryngitis, tracheitis, tracheobronchitis, pleural irritation, irritation of irritating substances, cigarette smoking, and psychogenic cough.

**DOSEAGE AND INSTRUCTION FOR USE**  
Orally, every 6 to 8 hours or as prescribed by the physician.  
2 - 6 years ..... 5 mL (1 teaspoonful)  
7 - 12 years ..... 10 mL (2 teaspoonful)  
Adults and children more than 12 years ..... 15 mL (3 teaspoonful)  
Infants under 2 years, ask a doctor before use.

For Certain Indications and other information, please refer to package insert.  
**KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN**  
**STORE IN A DRY PLACE. PROTECT FROM LIGHT**  
**NOT EXCEEDING 30°C. PROTECT FROM LIGHT**

© Registered trademark of Westward Pharmaceuticals, Inc.

**THÀNH PHẦN**  
Mỗi 5 ml (1 muỗng cà phê) chứa:  
Dextromethorphen HBr ..... 5 mg  
Chlorpheniramine Maleate ..... 1.33 mg  
Sodium Citrate Dihydrate ..... 133 mg  
Aminomium Chloride ..... 50 mg  
Tá dược ..... vừa đủ 5 ml

**ATUSSIN®**  
**SIRÒ HO**

**DOSEAGE AND INSTRUCTION FOR USE**  
Orally, every 6 to 8 hours or as prescribed by the physician.  
2 - 6 years ..... 5 mL (1 teaspoonful)  
7 - 12 years ..... 10 mL (2 teaspoonful)  
Adults and children more than 12 years ..... 15 mL (3 teaspoonful)  
Infants under 2 years, ask a doctor before use.

Số 8 SX Lot 8  
NSX Mfg  
HD Exp

**THUỐC TRỊ HO**  
Phung My Vinh Hvc, Westward Pharmaceuticals, Inc.

**KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN**  
Phung My Vinh Hvc, Westward Pharmaceuticals, Inc.



60 ml

**ATUSSIN®**  
**SIRÒ HO**



**THUỐC TRỊ HO**



Chống chỉ định và các thông tin khác, xin xem tờ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng để VIỆT NAM Y TẾ BA CỤC QUẢN LÝ DƯỢC, NHÌT ĐỘ KHÔNG QUÁ 30°C, TRÁNH ÁNH SÁNG  
© Công ty nhân hiệu Westward Pharmaceuticals, Inc.



*64/18c*

# ATUSSIN - SIRÒ

## Hộp và nhãn chai 30 mL

QC: 6.2 X 3.8 CM

Hộp 1 chai 30ml  
QC: 3.5 X 3.5 X 8.4 CM

PM Code

địa chỉ  
CÔNG TY TNHH THUỐC QUỐC TẾ PHARM  
Số 18/30P Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Tân Phú, Quận 5, Thành Phố Hồ Chí Minh  
Số 18/30P Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Tân Phú, Quận 5, Thành Phố Hồ Chí Minh  
Số 18/30P Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Tân Phú, Quận 5, Thành Phố Hồ Chí Minh

địa chỉ  
CÔNG TY TNHH THUỐC QUỐC TẾ PHARM  
Số 18/30P Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Tân Phú, Quận 5, Thành Phố Hồ Chí Minh  
Số 18/30P Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Tân Phú, Quận 5, Thành Phố Hồ Chí Minh  
Số 18/30P Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Tân Phú, Quận 5, Thành Phố Hồ Chí Minh

ATUSSIN®  
COUGH SYRUP - 30 ml



COUGH FORMULA

ATUSSIN®  
COUGH SYRUP

30 ml



COUGH FORMULA

**THÀNH PHẦN**  
Atussin® Sirò (30ml) chứa:  
Chlorpheniramine Maleate 1.531 mg  
Sodium Citrate Dihydrate 100 mg  
Sodium Chloride 50 mg  
Glycerin 100 mg  
Limonene 100 mg  
Nước cất 200 mg

**LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH SỬ DỤNG**  
Hàng ngày uống 3 lần, mỗi lần 10 ml.  
5 - 12 tuổi: 10 ml, 12 tuổi trở lên: 15 ml.  
Sau khi uống, súc miệng bằng nước ấm.  
Sau khi uống, uống thêm nước ấm.  
Sau khi uống, uống thêm nước ấm.

**TRUYỀN THÔNG**  
ATUSSIN®  
SIRÒ 30 ML

KEEP OUT OF REACH  
OF CHILDREN  
Protect from heat, moisture  
and light. Do not open until  
needed.

PM Code



ATUSSIN®  
COUGH SYRUP - 30 ml



THUỐC TRỊ HO

ATUSSIN®  
SIRÒ HO

30 ml



THUỐC TRỊ HO

**COMPOSITION**

Each 5 ml (1 teaspoonful) contains:  
Chlorpheniramine Maleate 1.531 mg  
Sodium Citrate Dihydrate 100 mg  
Sodium Chloride 50 mg  
Glycerin 100 mg  
Limonene 100 mg

**INDICATIONS**

For relieving cough symptoms due to the common cold, flu, tuberculosis, bronchitis, pertussis, measles, pneumonia, laryngitis, sinusitis, pharyngitis, tonsillitis, influenza, acute and chronic bronchitis, irritation of the throat, whooping cough, and asthmatic cough.

**DOSEAGE AND INSTRUCTION FOR USE**

Oral: Give 10 to 15 ml or as prescribed by the physician.  
7 - 12 years: 10 ml, 12 years - 15 ml.  
Adults and children over 12 years: 15 ml.  
Infants, young children, and special diets: See label.

**Contraindications and other information:**

PLEASE REFER TO PACKAGE INSERT.  
KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN.  
STORE IN A COOL PLACE. ATTEMPERATURES NOT EXCEEDING 30°C. PROTECT FROM LIGHT.



8936022470038

Chống chỉ định:  
Sốt cao, đau đầu, đau mắt, đau họng, đau tai, đau răng, đau khớp, đau cơ, đau xương, đau thần kinh, đau dây thần kinh, đau cơ tim, đau mạch máu, đau nội tạng, đau cơ quan sinh dục, đau mắt đỏ, đau tai, đau răng, đau khớp, đau cơ, đau xương, đau thần kinh, đau dây thần kinh, đau cơ tim, đau mạch máu, đau nội tạng, đau cơ quan sinh dục.

Chống chỉ định:  
Sốt cao, đau đầu, đau mắt, đau họng, đau tai, đau răng, đau khớp, đau cơ, đau xương, đau thần kinh, đau dây thần kinh, đau cơ tim, đau mạch máu, đau nội tạng, đau cơ quan sinh dục.



Rx Thuốc bán theo đơn

# ATUSSIN®

SIRÔ  
THUỐC TRỊ HO

### THÀNH PHẦN

Mỗi 5 mL ( 1 muỗng cà phê) chứa:

Dextromethorphan HBr	5 mg
Chlorpheniramine Maleate	1,33 mg
Sodium Citrate Dihydrate	133 mg
Ammonium Chloride	50 mg
Glyceril Guaicolate	50 mg

**Tá dược:** Sucrose, Natri Benzoat, Natri Metabisulfít, Acid Citric khan, Natri Saccharin, Màu đỏ D&C Red No.33 82-92%, Hương sô ri nhân tạo 2:1 WL-515, Nước tinh khiết.

### DƯỢC LỰC HỌC

#### Dextromethorphan HBr

Dextromethorphan HBr là thuốc giảm ho có tác dụng lên trung tâm ho ở hành não. Dextromethorphan có hiệu quả nhất trong điều trị ho mạn tính, ho không có đờm. Với liều điều trị, tác dụng chống ho của thuốc kéo dài được 5 - 6 giờ.

#### Chlorpheniramine Maleate

Chlorpheniramine là một kháng histamine có rất ít tác dụng an thần. Như hầu hết các kháng histamin khác, Chlorpheniramine cũng có tác dụng phụ chống tiết acetylcholin, nhưng tác dụng này khác nhau nhiều giữa các cá thể. Tác dụng kháng histamine của Chlorpheniramine thông qua phong bế cạnh tranh các thụ thể H1 của các tế bào tác động.

#### Các chất long đàm

Sodium Citrate có tính chất giữ ẩm và có vai trò trong việc duy trì pH.  
Glyceril Guaicolate làm long đàm bằng cách giảm tính nhớt của đàm nhày.

### DƯỢC ĐỘNG HỌC

#### Dextromethorphan HBr

Dextromethorphan được hấp thu nhanh qua đường tiêu hóa và có tác dụng trong vòng 15 - 30 phút sau khi uống, kéo dài 6 - 8 giờ. Thuốc được chuyển hóa ở gan và bài tiết qua nước tiểu dưới dạng không đổi và các chất chuyển hóa demethyl, trong số đó có dextrophan cũng có tác dụng giảm ho nhẹ.

#### Chlorpheniramine Maleate

Chlorpheniramine Maleate hấp thu tốt khi uống và xuất hiện trong huyết tương trong vòng 30 - 60 phút. Nồng độ đỉnh huyết tương đạt được trong khoảng 2,5 đến 6 giờ sau khi uống. Khả dụng sinh học thấp, đạt 25 - 50%. Khoảng 70% thuốc trong tuần hoàn liên kết với protein. Thể tích phân bố khoảng 3,5 lít/kg (người lớn) và 7 - 10 lít/kg (trẻ em). Thuốc được bài tiết chủ yếu qua nước tiểu dưới dạng không đổi hoặc chuyển hóa, sự bài tiết phụ thuộc vào pH và lưu lượng nước tiểu. Chỉ một lượng nhỏ được thấy trong phân. Thời gian bán thải là 12 - 15 giờ.

#### Các chất long đàm

Sodium Citrate được hấp thu và chuyển hóa thành Sodium Bicarbonate.  
Glyceril Guaicolate được hấp thu qua đường tiêu hóa. Nó được chuyển hóa và bài tiết trong nước tiểu.

### CHỈ ĐỊNH

Làm giảm các triệu chứng ho do cảm lạnh, cúm, lao, viêm phế quản, ho gà, sởi, viêm phổi, viêm phổi - phế quản, viêm họng, viêm thanh quản, viêm khí quản, viêm khí phế quản, màng phổi bị kích ứng, hít phải chất kích ứng, khỏi thuốc lá và ho có nguồn gốc tâm sinh.

### LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH SỬ DỤNG

Uống mỗi 6 đến 8 giờ hoặc theo sự hướng dẫn của thầy thuốc

2 - 6 tuổi	5 mL (1 muỗng cà phê)
7 - 12 tuổi	10 mL (2 muỗng cà phê)

Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi..... 15 mL (3 muỗng cà phê)

Trẻ nhỏ dưới 2 tuổi: hỏi ý kiến bác sĩ trước khi dùng.

### CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Bệnh nhân nhạy cảm với các thành phần của thuốc hoặc đang dùng các chất ức chế monoamine oxidase

Bệnh nhân đang bị cơn hen cấp, glaucom góc hẹp, loét dạ dày chít, tắc môn vị-tá tràng, và ù nước tiểu do rối loạn niệu đạo - lỵ tiến liệt.

### THẬN TRỌNG

Thận trọng khi dùng ATUSSIN® cho bệnh nhân bị ho có quá nhiều đờm, ho mạn tính ở người hút thuốc, hen, tràn khí phổi, suy giảm hô hấp.

Dùng Dextromethorphan có liên quan đến giải phóng histamin và nên thận trọng với trẻ em bị dị ứng. Lạm dụng và phụ thuộc Dextromethorphan, có thể xảy ra (tuy hiếm), đặc biệt do dùng liều cao kéo dài.

**Ảnh hưởng lên khả năng lái xe và vận hành máy móc:** không nên điều khiển xe, máy móc, hoặc các phương tiện vận chuyển khác khi dùng thuốc do thuốc có thể làm buồn ngủ, mất nhanh nhẹn.

**Phụ nữ có thai:** hỏi ý kiến bác sĩ trước khi dùng

**Phụ nữ cho con bú:** Phụ nữ đang cho con bú không nên dùng ATUSSIN®.

### TÁC DỤNG PHỤ

Mệt mỏi, chóng mặt, nhức đầu, nhịp tim nhanh, buồn nôn, nôn, tiêu chảy, đỏ bừng, nổi mề đay, ngứa gãi, an thần, khô miệng.

Xin thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi dùng thuốc.

### QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ

Triệu chứng quá liều của Dextromethorphan bao gồm buồn nôn, nôn, nhìn mờ, rung giật nhãn cầu, bí tiểu, ảo giác, suy hô hấp, co giật. Điều trị: hỗ trợ, dùng naloxone 2 mg tiêm tĩnh mạch, cho dùng nhắc lại tới tổng liều 10 mg nếu cần.

Triệu chứng quá liều của Chlorpheniramine bao gồm buồn ngủ, kích thích thần kinh trung ương, cơn động kinh, ngừng thở, co giật, tác dụng chống tiết acetylcholine, phản ứng loạn trương lực và trụy tim mạch, loạn nhịp. Điều trị triệu chứng và hỗ trợ; rửa dạ dày hoặc gây nôn bằng sirô ipecacuanha; sau đó cho dùng than hoạt và thuốc tẩy để hạn chế hấp thu. Trong trường hợp hạ huyết áp và loạn nhịp, cần được điều trị tích cực. Diazepam hoặc phenytoin tiêm tĩnh mạch có thể hữu ích để điều trị co giật. Có thể truyền máu trong những ca nặng.

### TƯƠNG TÁC THUỐC

Các chất ức chế monoamine oxidase (MAO) và các thuốc chống trầm cảm 3 vòng có thể làm kéo dài, tăng tác dụng anticholinergic và tác dụng an thần của các thuốc kháng histamin.

### TRÌNH BÀY

Hộp 1 chai 30 mL, hộp 1 chai 60 mL.

### BẢO QUẢN

Bảo quản nơi khô ráo, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng.

### HẠN DỤNG

24 tháng kể từ ngày sản xuất.

**THUỐC NÀY CHỈ SỬ DỤNG THEO ĐƠN CỦA BÁC SĨ ĐỂ XA TẮM TAY TRẺ EM ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG NẾU CẦN THÊM THÔNG TIN, XIN HỎI Ý KIẾN BÁC SĨ**

Sản xuất tại

CÔNG TY TNHH UNITED INTERNATIONAL PHARMA WHO-GMP, GLP, GSP

Số 16 VSIP II, Đường số 7, Khu Công Nghiệp Việt Nam-Singapore II, Khu Liên Hợp Công Nghiệp - Dịch Vụ - Đô Thị Bình Dương, Phường Hoà Phú, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam  
ĐT: 08-39621000

®Đã đăng ký nhãn hiệu: Westmont Pharmaceutical, Inc.



TUỢC CỤC TRƯỞNG  
P. TRƯỞNG PHÒNG  
*Nguyễn Thị Thu Thủy*